

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐ-ST ngày 22/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị C, sinh ngày 16/02/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình B, sinh ngày 06/6/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh B tại Việt Nam: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh B được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Đến khoảng tháng 3/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai anh, chị về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Khoảng tháng 9/2019 anh B đi lao động tại Đài Loan nhưng không bàn bạc hay thông báo gì với chị. Kể từ tháng 9/2019 đến nay anh, chị không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/8/2013 và cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/10/2015. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị L. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông T, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B về nước sinh sống. Với lý do trong thời gian tới chị cũng đi lao động tại ở nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Mặt khác qua trao đổi với anh B, anh B cho biết anh hết hạn hợp đồng vào cuối năm nay và sẽ về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Đình B là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 18/11/2022 và 28/11/2022, ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị L là bố, mẹ đẻ anh Nguyễn Đình B cung cấp anh B hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh B, chị C bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị C về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh B đi lao động tại Đài Loan, sau khi anh B sang Đài Loan một thời gian thì thấy anh B nói vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không rõ, bà có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi

dưỡng con nhưng không được. Hiện nay chị C đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/8/2013 và cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/10/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng ông bà. Đối với ý kiến của chị C đề nghị giao hai con chung là cháu K và cháu V cho anh B nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian con tai ông bà đi nước ngoài thì ông bà nhất trí. Về tài sản chung của anh, chị không có. Ông T, bà L cho biết anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B tại Đài Loan.

*Cháu Nguyễn Đình V và cháu Nguyễn Đình K trình bày:* Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bố và ông bà nội, được ông bà nội chăm sóc tốt. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở cùng bố và ông, bà nội.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị Trần Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đình B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị C; Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị C.

Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Về con chung: Do thời gian tới chị C đi lao động tại Nhật Bản, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung được nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/8/2013 và cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/10/2015 cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

nhưng tạm giao cho ông T, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị C không đề nghị giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh B và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị C khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình B, anh B hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý theo yêu cầu của chị C Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có công văn hỏi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp về việc anh B xuất cảnh ra nước ngoài. Theo Công văn trả lời số: 23742/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh B xuất cảnh gần nhất ngày 26/9/2019, hiện chưa có thông tin nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh B hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh B là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Trần Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị C.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông T, bà L là bố, mẹ anh B, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh B trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh B thông qua ông T, bà L và đề nghị ông T, bà L thông báo cho anh B biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Trần Thị C và bị đơn là anh Nguyễn Đình B. Ông T, bà L cho biết anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến

hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị C với anh Nguyễn Đình B, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C và anh B chung sống với nhau hòa thuận. Tuy nhiên sau khi anh B đi lao động tại Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị C chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Chị C xác định kể từ tháng 9/2019 vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Ngoài ra, ông T, bà L cũng trình bày chị C và anh B có mâu thuẫn, anh B đi lao động nước ngoài chị C về nhà bố mẹ sống, ông bà có hòa giải để anh chị về nuôi con nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh B, chị C không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C với anh B, xử cho chị C được ly hôn anh B phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về nuôi con chung: Chị C và anh B có hai con chung là cháu Nguyễn Khôi, sinh ngày 25/8/2013 và cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 22/10/2015. Từ khi chị C về nhà bố mẹ ở, anh B đi lao động tại Đài Loan thì cháu K, cháu V do ông T, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông T, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B về nước. Với lý do chị chuẩn bị đi lao động nước ngoài và anh B sắp về Việt Nam.

Xét yêu cầu của chị C đề nghị giao hai con chung là cháu Vũ và cháu Khôi cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông T, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh B về nước sinh sống. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh B đang lao động tại nước ngoài, chị C trình bày chị chuẩn bị ra nước ngoài lao động trong thời gian tới nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T, bà L đồng ý với ý kiến của chị C và hiện nay ông T, bà L vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, cháu V, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu K, cháu V trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị của chị C về yêu cầu giao hai con chung là cháu K và cháu V cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông T, bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B về nước sinh sống là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của con

chung. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Trường hợp chị C có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C, anh B, ông T, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Nguyễn Đình B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

**2.** Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/8/2013 và cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/10/2015 cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Đình

T, bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh B về nước sinh sống. Chị Trần Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Trần Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000685 ngày 02/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Đình B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



